BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 141/QD – BXD ngày 20 tháng 1 năm 2006 của 2006

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5700101147 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006 và thay đổi lần thứ 9 vào ngày 04 tháng 06 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, khai thác và kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh tư liệu sản xuất và tiêu dùng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công nhân kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh đại lý xăng dầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Chăn nuôi;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp.
- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy gạch Tuynel Tiêu Giao
Nhà máy gạch cotto Giếng Đáy
Nhà máy gạch Tuynel Hoành Bồ
Xí nghiệp kinh doanh
Xí nghiệp dịch vụ đời sống

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 là: 35.286.374.136 VND
Lợi nhuân chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2010 là : 35.286.374.136 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành của Công ty trong kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Mâu	Chủ tịch	Từ ngày 18/04/2009
Bà Nguyễn Thị Sửu	Thành viên	Từ ngày 18/04/2009
Ông Trần Hồng Quang	Thành viên	Từ ngày 25/01/2006
Ông Hoàng Kim Bồng	Thành viên	Từ ngày 18/04/2009
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	Từ ngày 28/04/2010

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Mâu	Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/03/2006
Ông Nguyễn Hữu Gấm	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/03/2006
Ông Nguyễn Xuân Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/03/2006
Ông Trần Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/03/2006
Ông Nguyễn Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 13/01/2009

Các thành viên Ban kiểm soát

Ông Lưu Văn Lấu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Năng Hoạch	Thành viên
Ông Phùng Quang Dũng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Chương 6 - Công bố thông tin, Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty.

Hạ Long,, ngày 28 tháng 07 năm 2010.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Hạ Long, ngày 28 tháng 07.năm 2010.

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Mâu

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010.

Số : 839 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2010 ĐẾN 30/06/2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 7 đến trang 27 kèm theo.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp nhận.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Kiểm toán viên	**Giám đốc**
Trần Trí Dũng	**Nguyễn Minh Hải**
Chứng chỉ KTV số:0895 /KTV	*Chứng chỉ KTV số : 0287/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**238,128,641,982**	**174,909,903,733**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**36,834,144,645**	**15,831,769,724**
1. Tiền	111		36,834,144,645	15,831,769,724
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**69,500,000**	**2,285,500,000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		69,500,000	2,285,500,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**47,384,210,933**	**35,009,185,854**
1. Phải thu của khách hàng	131		20,356,221,124	12,269,585,339
2. Trả trước cho người bán	132		15,993,466,320	9,198,614,572
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			3,000,000,000
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	**V.03**	12,172,819,071	11,679,281,525
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1,138,295,582)	(1,138,295,582)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**135,606,397,019**	**106,432,820,808**
1. Hàng tồn kho	141	**V.04**	135,606,397,019	106,432,820,808
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18,234,389,385**	**15,350,627,347**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			4,586,500,333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khỏan khác phải thu Nhà nước	154	**V.05**		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18,234,389,385	10,764,127,014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**486,877,313,920**	**485,027,112,745**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	**V.06**		
4. Phải thu dài hạn khác	218	**V.07**		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**472,189,021,018**	**467,278,440,355**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.08**	383,238,143,638	395,947,309,290
- Nguyên giá	*222*		*715,082,298,318*	*692,200,372,268*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(331,844,154,680)*	*(296,253,062,978)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	**V.09**	10,477,213,766	11,898,625,612
- Nguyên giá	*225*		*15,877,144,846*	*15,877,144,846*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*		*(5,399,931,080)*	*(3,978,519,234)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	**V.10**	7,175,703,339	7,561,947,708
- Nguyên giá	*228*		*10,629,842,420*	*10,629,842,420*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		*(3,454,139,081)*	*(3,067,894,712)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	**V.11**	71,297,960,275	51,870,557,745
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.12**		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2,000,000,000**	**2,000,000,000**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,000,000,000	2,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	**V.13**		
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**12,688,292,902**	**15,748,672,390**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**V.14**	10,847,920,471	15,186,813,399
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	**V.21**		
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,840,372,431	561,858,991
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**725,005,955,902**	**659,937,016,478**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**505,179,162,174**	**475,034,182,820**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**418,187,230,750**	**400,267,934,038**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	**V.15**	251,377,094,150	188,505,494,997
2. Phải trả người bán	312		54,057,785,314	80,825,474,688
3. Người mua trả tiền trước	313		5,840,363,186	17,824,964,346
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	**V.16**	26,553,733,404	15,204,703,375
5. Phải trả công nhân viên	315		24,530,285,402	31,754,558,027
6. Chi phí phải trả	316	**V.17**	25,529,662,475	18,680,767,218
7. Phải trả nội bộ	317		2,305,700,415	
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	**V.18**	30,174,107,395	47,471,971,387
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(2,181,500,991)	
II. Nợ dài hạn	**330**		**86,991,931,424**	**74,766,248,782**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	**V.19**		
3. Phải trả dài hạn khác	333		5,791,972,500	5,691,989,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	**V.20**	71,753,689,949	59,980,259,485
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,769,268,975	1,597,000,297
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		7,677,000,000	7,497,000,000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**219,826,793,728**	**184,902,833,658**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.22**	**219,826,793,728**	**181,078,383,385**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48,680,878,000	48,680,878,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(22,123,883)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		34,106,676,778	30,666,764,454
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,756,368,829	4,756,368,829
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6,996,495,985	6,996,495,985
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		35,286,374,136	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**			**3,824,450,273**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			3,824,450,273
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**725,005,955,902**	**659,937,016,478**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		958,639.73	333,022.00
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hạ Long, ngày 28 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc:
Đinh Thị Thu Hằng	Bùi Thị Thanh Nga	Nguyễn Quang Mâu

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**00**	**VI.25**	**475,573,158,874**	**428,952,809,102**
2. Các khoản giảm trừ	02	**VI.26**	**172,839,366**	
- Chiết khấu bán hàng	*02a*			
- Giảm giá hàng bán	*02b*			
- Hàng bán bị trả lại	*02c*		*172,839,366*	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực	*02d*			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**VI.27**	**475,400,319,508**	**428,952,809,102**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.28**	**345,788,117,993**	**326,209,827,359**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**129,612,201,515**	**102,742,981,743**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**VI.29**	**559,491,980**	**135,331,075**
7. Chi phí tài chính	22	**VI.30**	**22,539,722,212**	**16,115,676,202**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		**52,046,540,914**	**49,996,038,218**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**14,890,711,480**	**14,165,912,928**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**40,694,718,889**	**22,600,685,470**
11. Thu nhập khác	31		**359,718,000**	**6,553,148,152**
12. Chi phí khác	32		**741,437,877**	**6,628,833,846**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(381,719,877)**	**(75,685,694)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**40,312,999,012**	**22,524,999,776**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**		**5,026,624,876**	**2,815,624,972**
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**35,286,374,136**	**19,709,374,804**
18. Lãi trên cổ phiếu			**3,921**	**2,543**

Hạ Long, ngày 28 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Tổng Giám đốc:**
Đinh Thị Thu Hằng	**Bùi Thị Thanh Nga**	**Nguyễn Quang Mâu**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	**(17,240,519,927)**	**4,883,122,880**
1. Lợi nhuận trước thuế	***40,312,999,012***	***22,524,999,776***
2. Điều chỉnh cho các khoản	59,938,470,129	48,872,850,577
+ Khấu hao tài sản cố định	37,398,747,917	32,795,170,516
+ Các khoản dự phòng		(37,996,141)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		
+ Chi phí lãi vay	22,539,722,212	16,115,676,202
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***100,251,469,141***	***71,397,850,353***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(21,123,800,890)	(14,217,986,814)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(29,173,576,211)	(12,646,392,469)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(52,517,803,368)	(11,409,625,370)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	8,925,393,261	(2,144,980,560)
- Tiền lãi vay đã trả	(18,748,109,562)	(20,624,957,827)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2,400,000,000)	(5,000,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	126,476,000	608,552,449
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2,580,568,298)	(1,079,336,882)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	**(21,253,666,769)**	**(34,760,695,505)**
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(21,664,291,600)	(39,874,272,393)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4,978,245,813
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	410,624,831	135,331,075
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	**59,496,561,617**	**37,605,464,811**
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	348,501,528,758	376,460,775,234
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(273,856,499,141)	(337,799,106,423)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(748,468,000)	(273,804,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(14,400,000,000)	(782,400,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**21,002,374,921**	**7,727,892,186**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**15,831,769,724**	**3,862,479,421**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**36,834,144,645**	**11,590,371,607**

Hạ Long, ngày 28 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Giám đốc**
Đinh Thị Thu Hằng	Bùi Thị Thanh Nga	Nguyễn Quang Mâu